TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86 /**2017/DS-ST
Ngày: 21/7/2017;
V/v Tranh chấp:
"Chia di sản thừa kế theo pháp luật".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Công.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông **Phạm Văn Nhẹ.**

2/Ông **Phan Tuấn Trường.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị An Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

Bà **Phạm Thị Kim Trinh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2017 lúc 14 giờ tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143 /2016/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc Tranh chấp "Chia di sản thừa kế theo pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn**: Huỳnh Thị Ngọc N,** sinh năm: 1956;

Cư trú: Ấp TP, xã TT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2.Bị đơn: **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1978;

Cư trú: Ấp TA, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Thị L, sinh năm 1963;

Trần Thị H, sinh năm 1965;

Trần Thị L, sinh năm 1969;

Cùng cư trú: Ấp TA, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Huỳnh Văn H, sinh năm 1968;

Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1973;

Huỳnh Thị H, sinh năm 1978;

Huỳnh Thị H1, sinh năm 1983;

Huỳnh Văn H1, sinh năm 1985;

Huỳnh Văn H2, sinh năm 1988;

Cùng cư trú: Ấp LM, xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (tất cả đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ngô Thị Th, sinh năm 1978 (vợ anh Đ);

Trần Thị Thảo Q, sinh năm 2000 (con anh Đ);

Trần Thị Thảo A, sinh năm 2003 (con anh Đ);

Chị Ngô Thị Th là người đại diện theo pháp luật cho cháu Q và A.

Cùng cư trú: Ấp TA, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Huỳnh Thị Ngọc N trình bày theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2016, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:

Mẹ của bà Huỳnh Thị Ngọc N là cụ bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1934, cư trú tại Ấp TA, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, chết vào ngày 06 tháng 02 năm 2015. Cụ Kh có 03 dòng con cụ thể: - Dòng thứ nhất bà Kh có chồng là ông Huỳnh Quang M, sinh năm 1929, đã chết năm 1962, có 04 người con chung gồm: Huỳnh Văn Nh, sinh năm 1952 (đã chết năm 1990); Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1956; Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1957 (chết lúc còn nhỏ); Huỳnh Thị Kim Q, sinh năm 1959 (chết lúc còn nhỏ).

Riêng ông Nh đã chết năm 1990 tại xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, ông Nh có 06 người con gồm: Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị Thanh H, Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị H1, Huỳnh Văn H1 và Huỳnh Văn H2.

-Dòng thứ hai bà Kh có chồng là cụ Trần Văn T, sinh năm 1926, đã chết năm 1979, có 03 người con chung gồm: Trần Thị L, Trần Thị H và Trần Thị L.

-Dòng thứ ba bà Kh có quan hệ với Trần Văn Đ, sinh năm 1928 có 01 người con là Trần Văn Đ, sinh năm 1978 là người quản lý di sản thừa kế.

Mẹ của bà là bà Nguyễn Thị Kh có đứng tên quyền sử dụng đất có diện tích 326,8m^2 tọa lạc tại Ấp TA, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, hiện nay do Trần Văn Đ trực tiếp quản lý nhà và đất của bà Kh đã chết để lại.

Nguyên nhân là do Nhà nước yêu cầu giải tỏa các phần mộ để làm các công trình phúc lợi dân sinh, cho nên 03 phần mộ của cha và 02 em phải di dời đi nơi khác, bà Ng chấp hành quy định trên và chuẩn bị di dời các mộ, bà Ng có bàn với Trần Văn Đ là em cùng mẹ khác cha với bà Ng, nhưng do Trần Văn Đ không đồng ý nên bà mới khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật về phần diện tích đất, chia đều, bà xin nhận hiện vật để chôn cất hài cốt cha và 02 em, vì mẹ của bà không có di chúc.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Ng yêu cầu chia di sản và nhận phần đất của lối đi là 15,3m^2 và diện tích đất phía sau nhà còn trống là 73,7m^2 bằng 89 m^2, không yêu cầu chia tài sản sản gắn liền với đất, vì căn nhà để thờ mẹ.

Bị đơn Trần Văn Đ trình bày tại bản tự khai ngày 02 tháng 02 năm 2017, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:

Mẹ của anh là bà Nguyễn Thị Kh chết ngày 06/5/2015, cha là Trần Văn Đ hiện nay còn sống. Ông bà ngoại đã chết từ lâu, anh có 03 người chị hiện nay đang ở gần nhà anh gồm: Trần Thị L, Trần Thị H, Trần Thị L.

Mẹ anh chết có để lại căn nhà đang ở và 01 phần đất trống phía sau, do anh quản lý, vì các chị ai cũng được mẹ chia phần rồi.

Nay bà Ng yêu cầu chia thừa kế anh Đ không đồng ý chia đất cho bà Ng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Ngô Thị Th trình bày chị là vợ của anh Trần Văn Đ, còn chị Huỳnh Thị Ngọc N là chị của anh Trần Văn Đ, là con của bà Nguyễn Thị Kh. Hiện nay bà Ng tranh chấp chia di sản thừa kế, chị là dâu của bà Kh chị không có ý kiến gì khác với ý kiến của anh Đ, cũng không có yêu cầu gì khác.

Bà Trần Thị L, Trần Thị H, Trần Thị L đều trình bày có nội dung giống nhau như sau: mẹ là bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1934, chết năm 2015; cha là Trần Văn T, sinh năm 1926, chết năm 1979. Các chị biết mẹ của chị có 03 dòng con, hiện nay chị L, H, L1 cùng cha; chị Huỳnh Thị Ngọc N, anh Huỳnh Văn Nh (Nh đã chết) cùng cha; riêng em Trần Văn Đ là con của người cha thứ ba.

Sau khi mẹ chết có để lại di sản gồm phần đất có diện tích khoảng 326,8m^2 và căn nhà cấp 4, hiện nay em Trần Văn Đ tạm quản lý. Qua yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Huỳnh Thị Ngọc N thì bà L, H, L 1ý kiến là không nhận phần di sản của mẹ để lại và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Thanh H, Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị H1, Huỳnh Văn H1 và Huỳnh Văn H2 đều trình bày có nội dung giống nhau như sau: có đơn xin từ bỏ quyền hưởng di sản thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Kh và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng có thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy phần đất trồng cây lâu năm của bà Nguyễn Thị Kh còn lại là 179,8m^2, bà Ng được hưởng 01 phần trên tổng số 06 phần, nếu bà Ng yêu cầu chia di sản với diện tích 89 m^2 thì có vượt quá kỷ phần di sản. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp của bà Huỳnh Thị Ngọc N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy Tòa án thụ lý vụ án dân sự có thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là loại tranh chấp "Chia di sản thừa kế theo pháp luật".

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1934, cư trú tại Ấp TA, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, chết vào ngày 06 tháng 02 năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Kh có 03 dòng con cụ thể: - Dòng thứ nhất bà Kh có chồng là ông Huỳnh Quang M, sinh năm 1929, đã chết năm 1962, có 04 người con chung gồm: Huỳnh Văn Nh, sinh năm 1952; Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1956; Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1957 (chết lúc còn nhỏ, không chồng con); Huỳnh Thị Kim Q, sinh năm 1959 (chết lúc còn nhỏ, không chồng con).

Riêng ông Huỳnh Văn Nh đã chết năm 1990 tại xã LC, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, ông Nh có 06 người con gồm: Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị Thanh H, Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị H1, Huỳnh Văn H1 và Huỳnh Văn H2.

-Dòng thứ hai thì bà Kh có chồng là ông Trần Văn T, sinh năm 1926, đã chết năm 1979, có 03 người con chung gồm: Trần Thị L, Trần Thị H và Trần Thị L.

-Dòng thứ ba thì bà Kh có quan hệ với Trần Văn Đ, sinh năm 1928 (không phải là vợ chồng, vì ông Đ đã có vợ, con) có 01 người con là Trần Văn Đ, sinh năm 1978 là bị đơn trong vụ án.

Theo lời trình bày của ôngTrần Văn Đ tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 5 năm 2017 như sau: Trần Văn Đ là con ruột của ông, vì khi còn trai trẻ ông có quan hệ với bà Nguyễn Thị Kh mới sinh ra Trần Văn Đ, bản thân ông không phải là chồng của bà Kh, vì thời điểm đó ông

đã có vợ, con, lúc Được sinh ra ông không có thừa nhận là con nên ông không có đăng ký khai sinh cho Trần Văn Đ, ông không biết ai đi đăng ký khai sinh cho Trần Văn Đ. Cho nên ấp không có yêu cầu chia di sản thừa kế và cũng không yêu cầu gì khác.

Bà Nguyễn Thị Kh chết lúc 24 giờ 45 phút ngày 06/02/2015 nên còn thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, do bà Kh không có để lại di chúc, giữa bà Ng và anh Trần Văn Đ không thỏa thuận được, cho nên bà Ng mới khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Bà Kh hiện nay còn có 05 người con còn sống, riêng ông Nh đã chết có 06 người con nên 06 người này là thừa kế thế vị có chung 01 kỷ phần của ông Nh, như vậy có 06 kỷ phần thừa kế.

Bà Nguyễn Thị Kh Đ Ủy ban nhân dân thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05594V-LT ngày 28/7/2008, diện tích 583,4m^2 trong đó có 200m^2 đất ở và 383,4m^2 đất trồng cây lâu năm. Đến ngày 06/10/2008 bà Kh cắt chuyển nhượng 100m^2 đất ở và 203,6m^2 đất trồng cây lâu năm cho mã số H07642V-LT của bà Trần Thị L và H07643V-LT của bà Trần Thị H; nên thửa số 131 còn diện tích 279,8m^2 trong đó đất ở 100m^2 và 179,8m^2 đất trồng cây lâu năm bà Nguyễn Thị Kh còn đứng tên sử dụng đất, và có để lại 01căn nhà cấp 4 làm nhà thờ; riêng căn nhà cấp 4 liền kề với nhà thờ là do vợ, chồng anh Trần Văn Đ bỏ tiền ra xây dựng sau ngày bà Kh chết nên nhà này là tài sản riêng của vợ, chồng anh Đ.

Bà Huỳnh Thị Ngọc N không yêu cầu chia căn nhà của bà Kh mà để căn nhà làm nhà thờ cho bà Kh, chỉ tính đất ở 100m^2 và đất trồng cây lâu năm 178,5m^2 để chia thừa kế, nhưng bà Ng xin được nhận bằng đất lối đi và phần đất trống phía sau để đem hài cốt của cha và 02 em của bà Ng về chôn tại đây.

Ngày 27/4/2017 thành phần xem xét, thẩm định tại chỗ tiến hành đo đạc thực tế thửa đất số 131, có diện tích là 278,5m^2 trong đó đất thổ cư (đất ở) là 100m^2 và đất trồng cây lâu năm là 178,5m^2.

Ngày 27/4/2017 Hội đồng định giá tiến hành định giá phần đất thổ cư nông thôn thuộc vị trí 1 đơn giá 280.000đ/m^2, đất trồng cây lâu năm thuộc khu vực 2 vị trí 1 đơn giá 75.000đ/m^2.

Như vậy, diện tích đất thổ cư 100m^2 x giá 280.000đ/m^2 = 28.000.000 đồng; diện tích đất trồng cây lâu năm 178,5m^2 x giá 75.000đ/m^2 = 13.387.500 đồng, tổng cộng 41.387.500 đồng, bà Ng đồng ý tính số tiền này chia ra cho 06 người nên mỗi người bằng 6.897.900 đồng.

Đồng thời Hội đồng định giá có định giá nhà ở, cổng rào và cây trồng trên đất, nhưng do các đương sự không có ai tranh chấp chia di sản thừa kế về phần căn nhà ở của bà Kh, cổng rào, vì bà Ng trình bày căn nhà này của mẹ thì để lại làm nhà thờ cúng giỗ mẹ, nên Tòa không nêu ra cụ thể về giá tiền.

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có hỏi các đương sự về thứ tự ưu tiên thanh toán theo quy định tại 10 khoản của Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2015, thì bà Ng và vợ, chồng ông Được trình bày là không có yêu cầu Tòa án giải quyết về thứ tự ưu tiên thanh toán. Vì thế di sản thừa kế không có bị khấu trừ vào các khoản thứ tự ưu tiên thanh toán.

Hiện nay hàng thừa kế có 06 kỷ phần gồm bà Huỳnh Thị Ngọc N, Trần Thị L, Trần Thị H, Trần Thị L, Trần Văn Đ và 06 người con của ông Huỳnh Văn Nh, diện tích đất tính cụ thể: đất ở có 100m^2 thì mỗi kỷ phần có diện tích đất ở là 16,667m^2 và đất trồng cây lâu năm có 178,5m^2 thì mỗi kỷ phần có diện tích là 29.75m^2.

Cho nên tính ra thành số tiền cụ thể: đất thổ cư mỗi kỷ phần có diện tích 16,667m^2 x 280.000đ/m^2 = 4.666.760 đồng; đất trồng cây lâu năm mỗi kỷ phần 29,75m^2 x 75.000đ/m^2 = 2.231.250 đồng, như vậy tổng số tiền cho mỗi kỷ phần là 6.897.900 đồng.

Do bà Ng yêu cầu nhận diện tích đất lối đi (ký hiệu E) 15,3m^2 và diện tích đất trống phía sau (ký hiệu C) 73,7m^2, tổng cộng bà Huỳnh Thị Ngọc N 01 kỷ phần là 89 m^2 cùng mục đích là loại đất trồng cây lâu năm giá 75.000đ/m^2 x 89 m^2 = 6.675.000 đồng, trong khi đó 01 kỷ phần tính bình quân là bằng 6.897.900 đ trừ 6.675.000đ còn thừa là 222.900 đồng, nhưng tại phiên tòa

bà Ng trình bày là không nhận thêm số tiền sau khi trừ giá đất 89m^2 còn thừa 222.900 đồng, vì bà chỉ đồng ý nhận diện tích 89m^2 đất là đủ theo yêu cầu như đã nêu trên.

Đối với bà Trần Thị L, Trần Thị H, Trần Thị L và 06 người con của ông Nh là thừa kế thế vị gồm: Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị Thanh H, Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị H1, Huỳnh Văn H1 và Huỳnh Văn H2 đều có đơn từ bỏ quyền thừa kế di sản.

Căn cứ vào Điều 620 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

Khoản 1: Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn trách việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.

Khoản 2: Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản và gửi đến người quản lý di sản, những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản để biết.

Khoản 3: Việc từ chối nhận di sản phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản.

Thấy việc mà các đương sự viết đơn xin từ bỏ quyền thừa kế di sản, tức là đương sự từ chối nhận di sản ở giai đoạn Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nhưng đương sự không có văn bản gửi đến người quản lý di sản là anh Trần Văn Đ, những người thừa kế khác để biết việc từ chối nhận di sản và phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản.

Do đó, Hội đồng xét xử xem như các đương sự này không có yêu cầu chia di sản chung trong vụ án này, nên phần di sản của họ vẫn còn, nếu sau này đương sự nào có yêu cầu chia di sản thừa kế và thời hiệu vẫn còn theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Trên cơ sở nhận định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc N về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Chia cho bà Huỳnh Thị Ngọc N được hưởng 01 (một) kỷ phần di sản gồm đất lối đi ký hiệu E diện tích 15,3m^2 và đất trống ký hiệu C diện tích 73,7m^2, tổng cộng là 89 m^2, loại đất CLN, thửa số 131, (trong đó đất lối đi có tứ cạnh: cạnh bắc 0,50m; cạnh nam 0,50m; cạnh đông 26,90m; cạnh tây 26,90m. phần đất trống có 02 hình tứ cạnh: cạnh đông chung cho 02 hình dài 13,80m; hình số 01 cạnh nam 5,70m, cạnh bắc 5,90m, cạnh tây 6,70m; hình số 02 cạnh nam 6,55m, cạnh bắc 6,00m, cạnh tây 4,70m).

Địa chỉ thửa đất: Ấp TA, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (có bản trích đo địa chính khu đất kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ng có quyền đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05594V – LT ngày 28 tháng 7 năm 2008 đã cấp cho bà Nguyễn Thị Kh để điều chỉnh cho bà Huỳnh Thị Ngọc N được quyền sử dụng diện tích 89 m^2 theo quyết định của bản án.

Phần di sản thừa kế còn lại chưa chia là diện tích đất ở, đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất hiện nay do anh Trần Văn Đ đang quản lý, cho nên Hội đồng xét xử giao cho anh Trần Văn Đ trực tiếp quản lý di sản là hợp lý.

Về án phí, chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị Ngọc N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét thấy đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Huỳnh Thị Ngọc N, thấy đề nghị có một

phần phù hợp với phần nhận định nêu trên, còn lại không phù hợp, cho nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần có phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 650, 651, 652, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc N về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Chia cho bà Huỳnh Thị Ngọc N được hưởng 01 (một) kỷ phần di sản gồm đất lối đi ký hiệu E diện tích 15,3m^2 và đất trống ký hiệu C diện tích 73,7m^2, tổng cộng là 89 m^2, loại đất CLN, thửa số 131, tương đương giá tiền là 6.675.000đ (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

(Trong đó đất lối đi có tứ cạnh: cạnh bắc 0,50m; cạnh nam 0,50m; cạnh đông 26,90m; cạnh tây 26,90m. phần đất trống có 02 hình tứ cạnh: cạnh đông chung cho 02 hình dài 13,80m; hình số 01 cạnh nam 5,70m, cạnh bắc 5,90m, cạnh tây 6,70m; hình số 02 cạnh nam 6,55m, cạnh bắc 6,00m, cạnh tây 4,70m).

Địa chỉ thửa đất: Ấp TA, xã LT, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (có bản trích đo địa chính khu đất kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ng có quyền đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05594V – LT ngày 28 tháng 7 năm 2008 đã cấp cho bà Nguyễn Thị Kh để điều chỉnh cho bà Huỳnh Thị Ngọc N được quyền sử dụng diện tích 89 m^2 theo quyết định của bản án.

Phần di sản thừa kế còn lại chưa chia là quyền sử dụng đất và nhà ở, cổng rào thì giao cho anh Trần Văn Đ trực tiếp quản lý.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Ngọc N phải chịu tiền án phí là 333.750 đ (Ba trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 41518 ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang, như vậy bà Ng còn phải nộp 108.750 đ (Một trăm lẻ tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Về chi phí tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Ngọc N phải chịu tiền chi phí tố tụng là 1.541.895 đ (Một triệu năm trăm bốn mươi mốt ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 1.541.895 đ (Một triệu năm trăm bốn mươi mốt ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng).

Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Án tuyên kết thúc cùng ngày.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-Viện KSTX.G;
- Chi cục THATX.G;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TRẦN VĂN CÔNG